TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2023/DS-ST
Ngày: 24/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

Ông Nguyễn Hữu Tài

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 350/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Bùi Thị Út H (Có mặt)

Địa chỉ ấp V, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long

Là đại diện theo ủy quyền- Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023

- *Bị đơn:* 1. Ông Hồ Tấn L, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2018 bà làm đầu thảo hụi, ông Hồ Tấn L và bà Nguyễn Thị Bạch T có tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây 1, mở ngày 25/9/2018 âm lịch loại hụi 5.000.000đ, mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, ông L tham gia 01 phần danh sách hụi ghi tên L, ông L đã đóng được 01 lần hụi sống số tiền 3.900.000đ. Đến lần khui thứ 2 ông L kêu hốt được số tiền 75.200.000đ, sau đó ông L đóng được 13 lần hụi chết thì ngưng không đóng nữa, bà đã đóng hụi thay cho ông L 07 lần hụi chết đến mãn hụi, số tiền là 35.000.000đ. Dây hụi này đã mãn vào tháng 6/2021 âm lịch.

Dây 2, mở ngày 25/9/2018 âm lịch loại hụi 5.000.000đ, mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, ông L tham gia 01 phần danh sách hụi ghi tên L, ông L đã đóng được 01 lần hụi sống số tiền 3.900.000đ. Đến lần khui thứ 2 ông L kêu hốt được số tiền 75.200.000đ, sau đó ông L đóng được 13 lần hụi chết thì ngưng không đóng nữa, bà đã đóng hụi thay cho ông L 07 lần hụi chết đến mãn hụi, số tiền là 35.000.000đ. Dây hụi này đã mãn vào tháng 6/2021 âm lịch.

Như vậy tổng số tiền bà đã đóng hụi thay cho ông L là 70.000.000đ. Việc ông L tham gia hụi vợ ông L là bà T có biết và hứa hẹn để từ từ ông L hết bệnh làm có tiền sẽ trả nhưng vẫn không trả. Bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 70.000.0000đ.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hồ Tấn L trình bày: Thời gian vào năm 2018 ông có tham gia 02 dây hụi do bà Clàm đầu thảo loại hụi 5.000.000đ, ông kêu hốt vào lần khui hụi thứ 2 đúng như bà Ctrình bày, mục đích hốt hụi là để bổ sung vốn làm ăn. Sau khi hốt hụi ông đóng hụi chết cho bà Cđược 13 lần thì bị bệnh, không có khả năng đóng tiếp nên ông ngưng cho đến nay. Bà Cyêu cầu trả số tiền hụi còn nợ là 70.000.000đ, ông đồng ý. Đối với việc bà C yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi thì ông không có ý kiến, việc tham gia hụi chỉ có ông trực tiếp tham gia bà T không có tham gia, bà T không có trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Chọn.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn ông Hồ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cđã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Hồ Tấn L có văn bản trình bày ý kiến nhưng không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên tòa; bà Nguyễn Thị Bạch T không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 17, 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chọn. Đề nghị buộc bị đơn ông Hồ Tấn L bà Nguyễn Thị Bạch T trả cho bà Nguyễn Thị Csố tiền hụi còn nợ 70.000.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về đánh giá chứng cứ: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T đã nhận được các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối bằng văn bản đối với các tình tiết, sự kiện nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện. Đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chọn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Thời gian từ năm 2018 đến năm 2021 giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cvà bị đơn ông Hồ Tấn L có thỏa thuận hợp đồng góp hụi, loại hụi có lãi, hụi hưởng hoa hồng. Theo đó nguyên đơn bà Clà chủ hụi, bị đơn ông L là thành viên tham gia hụi. Quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi ông L đã hốt các phần hụi mình tham gia nhưng không góp đầy đủ hụi chết, bà Cđã góp hụi thay ông L đến mãn hụi. Ông L có thỏa thuận trả lại số tiền hụi bà Cđã góp thay nhưng không thực hiện nên nguyên đơn bà Ckhởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền hụi đã góp thay là 70.000.000đ.Tại phiên hòa giải ngày 09/02/2023 ông L thừa nhận có nợ bà Csố tiền 70.000.000đ và đồng ý trả lại số tiền còn nợ cho bà Chọn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Clà có cơ cở chấp nhận là phù hợp theo quy định tại

Điều 471 Bộ luật dân sự, các Điều 17, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cvề việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Hồ Tấn L trả số tiền 70.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, ông Hồ Tấn L và bà Nguyễn Thị Bạch T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện O, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/12/2002. Tại phiên hòa giải ngày 09/02/2023 ông L trình bày ông hốt hụi để bổ sung vốn làm ăn. Do dó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông L tham gia hụi trong thời gian dài, mục đích tham gia hụi là để phát triển kinh tế gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Hồ Tấn L trả cho bà Nguyễn Thị Csố tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy tại các Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Hồ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, buộc ông L, bà T có nghĩa vụ nộp 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 17, 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chọn

1. Buộc bị đơn ông Hồ Tấn L, bà Nguyễn Thị BạchT có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng*)*.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu các bị đơn chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Hồ Tấn L và bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ nộp 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Nguyễn Thị Thu Nga